

Số: /CV-KNĐL
V/v thư mời chào giá Hiệu chuẩn trang thiết bị
phòng thí nghiệm năm 2025

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Đắk Lắk có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Hiệu chuẩn trang thiết bị phòng thí nghiệm năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Hồ Thị Hoàn Quyên

- Chức vụ: Nhân viên phòng Hành chính – Kế hoạch tổng hợp

- Số điện thoại: 02623.840557

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá có thể nộp trực tiếp hoặc gửi về Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) qua đường bưu điện và gửi bản scan Báo giá + file mềm báo giá qua email: trungtamkiemnghiem.daklak75@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá đến 17 giờ 00 phút ngày 05 tháng 09 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục Hiệu chuẩn trang thiết bị phòng thí nghiệm năm 2025 (Phụ lục 01 đính kèm).

Báo giá phải ghi rõ nội dung hiệu chuẩn như yêu cầu tại phụ lục.

Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định và đóng dấu của đơn vị chào giá. Trường hợp báo giá có nhiều trang, đề nghị đơn vị đóng dấu giáp lai các trang.

Giá chào trong Báo giá là đồng tiền Việt Nam (VND) đã bao gồm thuế, phí các loại, phí đi lại, vận chuyển hàng hóa đến tại 2 cơ sở của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk.

Các đơn vị có thể tải danh mục Hiệu chuẩn trang thiết bị phòng thí nghiệm năm 2025 đã được đăng tải trên website tại địa chỉ: <https://kndpmp.yte.daklak.gov.vn>.

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ:

Dịch vụ được thực hiện tại 02 địa điểm:

- Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Trụ sở chính (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)

- Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Cơ sở 2 (Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).

3. Các thông tin khác:

Giấy phép kinh doanh pháp lý chứng minh công ty, cơ sở kinh doanh có đủ khả năng và năng lực đáp ứng theo yêu cầu của trung tâm.

Các nhà cung cấp liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo bảng phụ lục đính kèm. Để Trung tâm có thể lựa chọn những nhà cung cấp phù hợp phục vụ công tác chuyên môn, rất mong nhận được sự quan tâm của tất cả các đơn vị cung cấp và nhà sản xuất trên toàn quốc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Website TT;
- Lưu VT, HC-KHTH.

GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Lộc

PHỤ LỤC

Kèm theo Thư mời chào giá số /CV-KNĐL ngày tháng 8 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Đắk Lắk

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Trụ sở chính (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)						
1	Nồi hấp tiệt trùng dạng đứng ES - 315 - TOMY - NHẬT	41/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C; 121°C và 134°C. - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C; 121°C và 134°C. - Đánh giá sự phân bố nhiệt độ trong nồi (ở trạng thái không tải) - Đánh giá sự thâm nhập của nhiệt trong nồi hấp (ở mức 0% tải, 50% tải, 100% tải) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh. - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C; 121°C và 134°C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
2	Tủ ẩm Shellab	42/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn : - Ở các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C, 44°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
3	Bể ổn nhiệt Julabo	45/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn - Ở các nhiệt độ: 20,0°C; 40,0°C; 50,0°C; 72,5°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
4	Cân kỹ thuật không lồng kính	46/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các mức cân: 5g; 10g; 20g; 50g - Tải trọng lệch tâm - Độ lặp lại - Tuyến tính - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
5	Tủ ẩm lạnh (Tủ ẩm mát)	50/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn : - Ở các nhiệt độ: 20°C; 22,5°C; 25°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
6	Máy đo pH/mV để bàn	51/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn : - Kiểm tra hiệu suất điện cực - Độ ổn định - Độ đúng nhiệt độ - Độ đúng thang đo pH - (Giá trị pH: 4,01; 7,00; 9,25; 10,01) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
7	Tủ cấy sinh học cấp 2	52/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: Tất cả các thông số của tủ với: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
8	Tủ cấy an toàn sinh học cấp 2	54/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: Tất cả các thông số của tủ với: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
9	Máy đo độ ẩm/nhiệt độ điện tử hiện số	57/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15,0°C; 18,0°C; 20°C; 25,0°C; 27,0°C; 40,0°C; 50,0°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
10	Máy đo nhiệt độ Extech	58/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: -20,0°C; 2,0°C; 5,0°C; 8,0°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
11	Máy đo nhiệt độ Extech	59/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: -20,0°C; 2,0°C; 5,0°C; 8,0°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
12	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	60/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 30,0°C; 32,5°C; 37,0°C; 41,5°C; 44,0°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
13	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	61/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
14	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	62/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
15	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	63/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
16	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	64/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 22,5 ⁰ C; 25,0 ⁰ C; 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
17	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	106/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15,0 ⁰ C; 18,0 ⁰ C; 20,0 ⁰ C; 25,0 ⁰ C; 27,0 ⁰ C; 72,5 ⁰ C - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
18	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	107/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15,0 ⁰ C; 18,0 ⁰ C; 20,0 ⁰ C; 22,5 ⁰ C; 25,0 ⁰ C; 27,0 ⁰ C; 72,5 ⁰ C - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
19	Nhiệt ẩm kế điện tử DYS	100/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15,0 ⁰ C; 18,0 ⁰ C; 20,0 ⁰ C; 25 ⁰ C; 27 ⁰ C; 72,5 ⁰ C - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
20	Tủ ẩm JSGI – 150T	67/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
21	Tủ ẩm JSOI – 150T	68/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
22	Tủ ẩm JSOI – 150T	69/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
23	Tủ ấm JSJI – 150T	109/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
24	Tủ ấm JSJI – 150T	71/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30,0 ⁰ C; 32,5 ⁰ C; 37,0 ⁰ C; 41,5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
25	Micro Pipete NICHIPET EX II 1000	DCVS.13/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100 µl, 500 µl, 1000µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
26	Micro Pipete NICHIPET EX II 1000	DCVS.14/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100 µl, 500 µl, 1000µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
27	Micro Pipete NICHIPET EX II 200	DCVS.02/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 20 µl, 100 µl 200µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
28	Micro Pipete BIOHT PROLINE 20-200 µl	DCVS.04/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 20 µl, 100 µl 200µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
29	Micro Pipete RAININ PIPET – LITE XLS L-20ML	DCVS.03/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 2 ml, 10 ml, 20 ml - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
30	Micropipet 0,5-10 µl	DCVS.05/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở thể tích 10 µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
31	Micropipet 0,5-10 µl	DCVS.06/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở thể tích 10 µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
32	Micropipet 100-1000 μ l	DCVS.07/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100 μ l, 200 μ l, 300 μ l, 400 μ l, 500 μ l, 600 μ l, 700 μ l, 800 μ l, 900 μ l, 1000 μ l. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
33	Micropipet 100-1000 μ l	DCVS.08/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100 μ l, 200 μ l, 300 μ l, 400 μ l, 500 μ l, 600 μ l, 700 μ l, 800 μ l, 900 μ l, 1000 μ l. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
34	Micropipet 2-10 ml	DCVS.09/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích: 2ml, 3ml, 4ml, 5ml, 6ml, 7ml, 8ml, 9ml, 10ml. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
35	Thước kẹp	DCVS.10/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ phạm vi đo khoảng từ 0mm đến 50mm - Kiểm tra vị trí “0” - Kiểm tra độ chính xác của các vạch chia trên thước - Độ chính xác - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
36	Micropipet 2-10 ml	DCVS.11/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ các thể tích: 2 ml, 3 ml, 4 ml, 5 ml, 6 ml, 7 ml, 8 ml, 9 ml, 10 ml. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
37	Tủ sấy MEMMERT	76/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 160°C; 180°C - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định nhiệt bên trong tủ - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 160°C; 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
38	Tỷ trọng kế	103/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Thang đo: 1.000 – 1.300 g/cm ³ - Kiểm tra sai số - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS
39	Tỷ trọng kế	104/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Thang đo: 1.000 – 1.300 g/cm ³ - Kiểm tra sai số - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
40	Tủ ẩm JSJI – 150T	70/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30 ⁰ C; 32.5 ⁰ C; 37 ⁰ C; 41.5 ⁰ C; 44,0 ⁰ C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (Đang bị sự cố)
41	Nồi hấp KT-30LD	66/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115 ⁰ C; 121 ⁰ C và 134 ⁰ C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115 ⁰ C ,121 ⁰ C và 134 ⁰ C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115 ⁰ C; 121 ⁰ C và 134 ⁰ C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (Đang bị sự cố)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
42	Tủ sấy đối lưu có quạt 8100	48/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 160°C; 180°C - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định nhiệt bên trong tủ - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 160°C; 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS Đang bị sự cố
43	Nồi hấp tiết trùng STURDY SA-300 VF	TB.03/VS	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS1)
44	Lò nung Nabertherm	06/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ nhiệt độ: 300°C, 450°C, 500°C, 900°C - Kiểm tra độ lặp lại, ổn định của nhiệt độ Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
45	Tủ sấy Binder	13/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 70°C, 85°C, 103°C, 105°C, 130°C, 132°C, 150°C, 180°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
46	Máy đo điểm nóng chảy	18/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác của nhiệt độ các điểm chảy chuẩn Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
47	Đồng hồ đo nhiệt độ hiện số	30/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 70°C, 85 °C , 103°C, 105°C, 130°C, 160°C, 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
48	Máy đo độ hòa tan UDT	12/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Độ cân bằng của thiết bị - Tính hướng tâm của từng cốc hòa tan - Độ sâu của giỏ quay hoặc cánh khuấy - Độ rung lắc của thiết bị, của trục cánh khuấy và của giỏ quay - Độ chính xác thời gian - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (37 ⁰ C) - Kiểm tra bằng viên chuẩn (từng cốc) - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Độ chính xác tần số giao động (Tốc độ quay 50, 75, 100 vòng/phút) -- Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
49	Nhiệt kế thủy ngân	NKTN.01/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ nhiệt độ: 20 °C - 37°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
50	Máy đo độ hòa tan Erweka	01/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Độ cân bằng của thiết bị - Tính hướng tâm của từng cốc hòa tan - Độ sâu của giỏ quay hoặc cánh khuấy - Độ rung lắc của thiết bị, của trục cánh khuấy và của giỏ quay - Tốc độ quay (50, 75, 100 vòng/phút) - Độ chính xác thời gian - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (37 ⁰ C) - Kiểm tra bằng viên chuẩn (từng cốc) - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Độ chính xác tần số giao động (Tốc độ quay 50, 75, 100 vòng/phút) - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
51	Máy thử độ tan rã 4 giỏ	08/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn; - Thời gian: 15, 30, 60 (phút) - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (37 ⁰ C) - Biên độ giao động (độ dài của 1 nhịp) ,tần số giao động (chu kỳ/phút) Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
52	Hệ thống sắc ký lỏng cao áp Shimadzu	07/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Hệ thống máy: Kiểm tra ROM, RAM, tình trạng chân không của Degasser, Phiên bản Firmware phần cứng - Hệ thống bơm: độ đúng của tốc độ dòng, độ đúng, độ chính xác của gradient, độ ổn định áp suất, giới hạn áp suất - Bộ tiêm mẫu tự động: độ lặp lại, độ đúng, độ chính xác, tuyến tính của thể tích tiêm, carry over - Buồng cột: độ ổn định nhiệt độ, độ chính xác nhiệt độ buồng cột, độ đúng nhiệt độ, kiểm tra cảm biến rò rỉ hơi dung môi - Đầu dò (UV-VIS, DAD): độ nhiễu, độ trôi, độ đúng bước sóng, độ chính xác bước sóng, năng lượng đèn, tính tuyến tính, độ lặp lại của tín hiệu đo, độ chính xác độ hấp thụ. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
53	Bộ quả cân	04/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Quả cân: 1g, 2g (2 quả), 5g, 10g, 20g (2 quả), 50g, 100g, 200g (2 quả) - Miếng: 5mg, 10mg, 20mg (2 miếng), 50mg, 100mg, 200mg (2 miếng), 500mg. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
54	Máy Karl-Fischer	16/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: 1. Kiểm tra bên ngoài Kiểm tra bằng mắt để xác định sự phù hợp máy chuẩn độ Karl-Fischer đối với các yêu cầu quy định trong tài liệu kỹ thuật về hình dáng, kích thước, ký nhãn hiệu, cơ cấu niêm phong của máy, tài liệu và phụ tùng kèm theo. 2. Kiểm tra kỹ thuật Kiểm tra trạng thái hoạt động bình thường máy chuẩn độ Karl-Fischer theo hướng dẫn vận hành. Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Buret - Độ lặp lại của hệ thống - Độ đúng - Độ tuyến tính Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
55	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	28/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ 20°C , 25°C , 27°C, 30°C - Độ ẩm : 50%, 60%, 70%,75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
56	Cân kỹ thuật Ohaus	31/TSCM/K NDL	- Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra đo lường - o Kiểm tra tải trọng lệch tâm - o Kiểm tra độ lặp lại - o Kiểm tra độ tuyến tính - o Kiểm tra độ hồi sai - o Kiểm tra độ đúng - Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
57	Máy đo pH/mV để bàn	35/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng (thang đo nhiệt độ , thang đo pH: 4.00; 7.00; 9.21; 10.01) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
58	Hệ thống sắc ký lỏng cao áp Agilent 1260	11/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Hệ thống máy: Kiểm tra ROM, RAM, tình trạng chân không của Degasser, Phiên bản Firmware phần cứng - Hệ thống bơm: độ đúng của tốc độ dòng, độ đúng, độ chính xác của gradient, độ ổn định áp suất, giới hạn áp suất - Bộ tiêm mẫu tự động: độ lặp lại, độ đúng, độ chính xác, tuyến tính của thể tích tiêm, carry over - Buồng cột: độ ổn định nhiệt độ, độ chính xác nhiệt độ buồng cột, độ đúng nhiệt độ, kiểm tra cảm biến rò rỉ hơi dung môi - Đầu dò (UV-VIS, DAD): độ nhiễu, độ trôi, độ đúng bước sóng, độ chính xác bước sóng, năng lượng đèn, tính tuyến tính, độ lặp lại của tín hiệu đo, độ chính xác độ hấp thụ - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
59	Máy đo độ ẩm/nhiệt độ điện tử hiện số	23/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ nhiệt độ: 20°C , 25°C , 27°C, 30°C - Độ ẩm : 50%, 60%, 70%, 75%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
60	Máy chuẩn độ điện thế tự động	20/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: Hiệu chuẩn cả 5 điện cực theo hướng dẫn của nhà sản xuất - Điện cực acid- base môi trường nước - Điện cực oxi hóa khử - Điện cực Bạc nitrat - Điện cực phức chất quang - điện cực acid – base khan Yêu cầu: - Buret - Độ lặp lại của hệ thống - Độ đúng - Độ chính xác - Độ tuyến tính Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
61	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	25/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 20°C , 25°C , 27°C, 30°C - Độ ẩm : 50%, 60%, 70%,75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
62	Máy đo độ tan rã Copley	21/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Thời gian: 15, 30, 60 (phút) - Kiểm tra nhiệt độ môi trường trong bể điều nhiệt - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (37 ⁰ C) - Biên độ giao động (độ dài của 1 nhịp) , tần suất giao động (chu kỳ/phút) - Hiệu chuẩn 2 giờ Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
63	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	24/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 2°C , 4°C , 6°C, 8°C - - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
64	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	26/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 20°C , 25°C , 27°C, 30°C - Độ ẩm : 50%, 60%, 70%,75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
65	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	27/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 20°C , 25°C , 27°C, 30°C, 37°C - Độ ẩm : 50%, 60%, 70%, 75%. - - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
66	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV - VIS Shimadzu	15/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Bộ phận điều nhiệt - Độ phẳng đường nền - Giới hạn ánh sáng lạc - Cốc đo ($\Delta T\%$) - Độ phân giải , độ nhiễu - Độ ổn định - Độ chính xác bước sóng - Độ chính xác hấp thu - Tính tuyến tính - Độ lặp lại - Tình trạng đèn và tế bào quang điện - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL
67	Máy đo pH cầm tay	36/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng (thang đo nhiệt độ, thang đo pH: 4.00; 7.00; 9.21; 10.01) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo - - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
68	Máy đo độ đục Hanna	91/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Tại điểm 1FNU, 15FNU, - Độ lặp $\pm 1\%$ của giá trị đọc hoặc 0,01 FNU Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP- TP
69	Máy đo Clo dư Hanna	95/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Tại điểm: 0,3 mg/L; 0,5 mg/L; 1mg/L - Độ phân giải 0,01mg/L Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP- TP
70	Máy hấp thụ nguyên tử AAS (Shimadzu AA 7000)	89/TSCM/K NDL	Hiệu chuẩn: - Độ lặp lại, giới hạn phát hiện, độ ổn định, độ chính xác bước sóng ngọn lửa, lò graphide, bộ hóa hơi HVG. - F - AAS (Lửa trực tiếp): thực hiện thêm độ ổn định ngọn lửa - GF - AAS (lò, không có ASC): thực hiện thêm độ trôi, độ nhiễu - HVG: Thực hiện thêm lưu lượng bơm nhu động - - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP- TP

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
71	Cồn kế	01/KNMPTP-KNDL	Hiệu chuẩn - Thang đo trong khoảng 0 - 90 độ rượu - Nhiệt độ: từ 0 - 40 °C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
72	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	97/TSCM/KNDL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 25°C, 30°C - Độ ẩm: 70%, 75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
73	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	98/TSCM/KNDL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 25°C, 30°C - Độ ẩm: 70%, 75 % - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
74	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	99/TSCM/KNDL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ 25°C, 30°C - Độ ẩm 70%, 75 % - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
75	Máy đo độ dẫn điện Hanna	96/TSCM/KNDL	Hiệu chuẩn: - Tại điểm 1µS/cm và 5 µS/cm Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
76	Máy đo pH/điện thế oxy hóa khử HI2002-02	102/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng (thang đo nhiệt độ, thang đo pH) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Giá trị pH: 4,01; 7,01; 9,18 - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
77	Micropipette	02/KNMPTP -KNĐL	Hiệu chuẩn: - Tại điểm 20 μ L, 50 μ L Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
78	Cân phân tích Satorius CP 324S	75/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Lượng cân tối đa 320g, d = 0.1mg - Kiểm tra tải trọng lệch tâm - Kiểm tra các mức tải - Kiểm tra độ trôi theo thời gian Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
79	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	101/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 1 ⁰ C, 5 ⁰ C, 8 ⁰ C, 20 ⁰ C, 30 ⁰ C, 40 ⁰ C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	HC-KHTH
80	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	108/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 1 ⁰ C, 5 ⁰ C, 8 ⁰ C, 20 ⁰ C, 30 ⁰ C, 40 ⁰ C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	HC-KHTH
81	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	110/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 1 ⁰ C, 5 ⁰ C, 8 ⁰ C, 20 ⁰ C, 30 ⁰ C, 40 ⁰ C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	HC-KHTH
82	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	111/TSCM/K NĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 1 ⁰ C, 5 ⁰ C, 8 ⁰ C, 20 ⁰ C, 30 ⁰ C, 40 ⁰ C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	HC-KHTH

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Cơ sở 2 (Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).						
83	Máy sắc ký khí GC-2030	TB.01/HL	Hiệu chuẩn: 1. Kiểm tra bên ngoài Kiểm tra bằng mắt để xác định sự phù hợp của máy sắc ký khí (GC) đối với các yêu cầu quy định trong tài liệu kỹ thuật về hình dáng, kích thước, chỉ thị, ký nhãn hiệu, cơ cấu niêm phong của máy, tài liệu và phụ tùng kèm theo. 2 Kiểm tra kỹ thuật Kiểm tra trạng thái hoạt động bình thường của máy sắc ký khí (GC) theo hướng dẫn vận hành. 2.2 Kiểm tra đo lường 2.2.1 Hệ thống Inlet 2.2.1.1 Rò rỉ khí 2.2.1.2 Tốc độ dòng khí 2.3.2 Buồng tiêm mẫu (Inject) 2.3.2.1 Tiêm lỏng	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Độ chính xác tiêm lỏng 2.3.2.2 Headspace Độ chính xác Độ đúng nhiệt độ buồng ủ 2.3.3 Nhiệt độ buồng cột 2.3.3.1 Chương trình nhiệt độ 2.3.3.2 Độ ổn định nhiệt độ 2.3.4 Đầu dò FID 2.3.4.1 Độ lặp tín hiệu đo . Yêu cầu: - Độ chính xác thời gian lưu: $RSD \leq 2,0 \%$ - Độ chính xác diện tích: $RSD \leq 3,0 \%$ 2.3.4.2 Tính tuyến tính Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.			
84	Máy sắc ký lỏng LC-2050C 3D	TB.02/HL	Hiệu chuẩn: 1. Hệ thống máy - Kiểm tra ROM, RAM - Tình trạng chân không của Degasser - Phiên bản Firmware phần cứng 2. Hệ thống bơm - Kiểm tra tốc độ dòng - Kiểm tra ổn định áp suất - Kiểm tra giới hạn áp suất - Kiểm tra độ chính xác của bộ trộn Gradient			P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			3. Hệ thống tiêm mẫu - Kiểm tra độ chính xác của thể tích tiêm - Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ làm lạnh của tiêm mẫu tự động 4. Buồng cột - Độ chính xác nhiệt độ buồng cột - Kiểm tra cảm biến rò rỉ hơi dung môi 5. Đầu dò Uv - Kiểm tra độ chính xác bước sóng, năng lượng đèn - Kiểm tra chính xác độ hấp thụ - Kiểm tra độ nhiễu và trôi đường nền 6. Đầu dò PDA - Kiểm tra độ chính xác bước sóng, năng lượng đèn - Kiểm tra độ nhiễu và trôi đường nền - Kiểm tra chính xác độ hấp thụ 7. Kiểm tra rò rỉ dung môi Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
85	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến BIOCHROM - S32PC	TB.03/HL	Hiệu chuẩn: - Độ phẳng đường nền (Abs) - Độ ổn định (Abs sau 2 giờ) (kính lọc F2) - Độ đúng bước sóng (nm) - Độ chính xác bước sóng (kính lọc F1), (từ vùng Uv - khả kiến) - Giới hạn ánh sáng lạc - Cốc đo (▲ T%) - Độ phân giải - Độ đúng hấp thu (từ vùng Uv-khả kiến) - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra cốc đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
86	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến BIOCHROM LIBRA S70PC	TB.04/HL	Hiệu chuẩn: - Độ phẳng đường nền (Abs) - Độ ổn định (Abs sau 2 giờ) (kính lọc F2) - Độ đúng bước sóng (nm) - Độ chính xác bước sóng (kính lọc F1), (từ vùng Uv-khả kiến) - Giới hạn ánh sáng lạc - Cốc đo (▲ T%) - Độ phân giải - Độ đúng hấp thu (từ vùng Uv-khả kiến) - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra cốc đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
87	Máy hồng ngoại IRAFFINITY-1S WL	TB.05/HL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra bên ngoài; - Kiểm tra kỹ thuật; - Kiểm tra đo lường: + Độ phân giải, số sóng; + Độ chính xác số sóng + Độ lặp lại của Độ truyền quang; - Độ không đảm bảo đo.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
88	Máy đo độ hòa tan ELECTROLAB TDT – 08L	TB.06/HL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra độ cân bằng của thiết bị - Kiểm tra tính hướng tâm của từng cốc hòa tan - Kiểm tra độ sâu của cánh khuấy, giò quay - Kiểm tra độ rung lắc của trục cánh khuấy, giò quay - Kiểm tra tốc độ quay - Kiểm tra hoạt động của đồng hồ thiết bị - Kiểm tra nhiệt độ môi trường trong cốc hòa tan - Đánh giá hiệu năng bằng viên chuẩn Prenison theo quy định USP - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
89	Máy độ hòa tan DS-14000 WITH PISTON PUMP	TB.07/HL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra độ cân bằng của thiết bị - Kiểm tra tính hướng tâm của từng cốc hòa tan - Kiểm tra độ sâu của cánh khuấy, giò quay - Kiểm tra độ rung lắc của trục cánh khuấy, giò quay - Kiểm tra tốc độ quay - Kiểm tra hoạt động của đồng hồ thiết bị - Kiểm tra nhiệt độ môi trường trong cốc hòa tan - Đánh giá hiệu năng bằng viên chuẩn Prenison theo quy định USP - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
90	Máy chuẩn độ điện thế TITROLINE® 5000	TB.08/HL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra buret - Độ chính xác - Độ đúng - Tính tuyến tính - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
91	Máy chuẩn độ Karl Fischer MOIVO-A19	TB.09/HL	Hiệu chuẩn: 1. Kiểm tra bên ngoài Kiểm tra bằng mắt để xác định sự phù hợp máy chuẩn độ Karl-Fischer đối với các yêu cầu quy định trong tài liệu kỹ thuật về hình dáng, kích thước, ký nhãn hiệu, cơ cấu niêm phong của máy, tài liệu và phụ tùng kèm theo. 2. Kiểm tra kỹ thuật Kiểm tra trạng thái hoạt động bình thường máy chuẩn độ Karl-Fischer theo hướng dẫn vận hành. 2.1. Kiểm tra đo lường Kiểm tra điện cực Buret Độ chính xác Độ đúng Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
92	Máy đo pH METTLER TOLEDO FP20	TB.11/HL	Hiệu chuẩn: Kiểm tra điện cực Độ ổn định Độ đúng nhiệt độ Độ đúng thang đo pH (4.00; 7.00; 9.21; 10.01) Kiểm tra bù nhiệt Độ chính xác Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
93	Cân phân tích METTLER TOLEDO AB 104 – S/FACT	TB.12/HL	Hiệu chuẩn: - Tải trọng lệch tâm - Độ lặp lại - Tuyến tính - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
94	Cân kỹ thuật OHAUS PR4202/E	TB.15/HL	Hiệu chuẩn: - Tải trọng lệch tâm - Độ lặp lại - Tuyến tính - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Các dải cân; 1g, 50g, 100g, 500g - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
95	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB120	TB.14/HL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 70 °C; 85 °C; 105° C - Khối lượng cân: 1,000g ÷ 2,000g - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
96	Máy thử độ tan rã PHARMATEST DIST 3	TB.16/HL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra tần số và biên độ dao động của giỏ - Kiểm tra đồng hồ của thiết bị - Kiểm tra nhiệt độ môi trường trong bể điều nhiệt và cốc đo - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
97	Tủ sấy BINDER ED115	TB.18/HL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 70°C; 105°C; 180°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
98	Bể ổn nhiệt tuần hoàn DAIHAN SCIENTIFIC WCB-22	TB.20/HL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 65 ⁰ C, 80 ⁰ C, 95 ⁰ C - Độ đồng đều nhiệt - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
99	Máy đo điểm chảy M5000	TB.21/HL	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác của nhiệt độ các điểm chảy chuẩn. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
100	Tủ sấy MEMMERT UNB 400	TB.13/ĐD	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 60°C; 70°C; 85°C; 105°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
101	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB45	TB.14/ĐD	Hiệu chuẩn: Ở các nhiệt độ: 60°C; 70°C; 85°C; 105°C Khối lượng cân: 1,000g ÷ 2,000g Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
102	Lò nung NABERTHERM L3/G6	TB.15/ĐD	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 450°C; 500°C; 550°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
103	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (-10°C đến 110°C)	NK.01/ĐD	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 2°C ÷ 7°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
104	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (-20°C đến 110°C)	NK.02/ĐD	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 37°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
105	Nhiệt ẩm – kế E915022	NAK.04/HL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra độ hồ sai của nhiệt độ; ẩm độ - Số hiệu chính nhiệt độ; độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
106	Nhiệt kế -10°C đến 110°C	NK.01/HL	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: 3 ⁰ C, 5 ⁰ C, 7 ⁰ C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	Thuê ngoài	P. HL - ĐD – DL (CS2)
107	Máy đo pH Seven Compact S220	TB01/MP-TP	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng (thang đo nhiệt độ, thang đo pH) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Giá trị pH: 4,01; 7,00; 9,21; 10,00 - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP (CS2)
108	Cân sấy độ ẩm MB120	TB04/MP-TP	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 60 ⁰ C; 85 ⁰ C; 105 ⁰ C - Khối lượng cân (g): 0,1; 0,5; 1; 2; 5; 10; 50, 100, 120. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP (CS2)
109	Lò nung FHX-12	TB05/MP-TP	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 450 ⁰ C; 550 ⁰ C, 800 ⁰ C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
110	Tủ sấy ED-115	TB06/MP-TP	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 60 ⁰ C, 85 ⁰ C; 105 ⁰ C; 180 ⁰ C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP (CS2)
111	Máy đo độ đục TURB 355IR	TB11/MP-TP	Hiệu chuẩn: - Tại điểm: 0,02; 1; 10; 100; 1000 NTU. - Độ lặp $\pm 1\%$ của giá trị đọc hoặc 0,01 FNU.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP (CS2)
112	Cân kỹ thuật	TB14/MP-TP	Hiệu chuẩn: - Tải trọng lệch tâm - Độ đúng và độ lặp lại - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Các dải cân (g): 0,5g; 1g; 10g, 50g; 100g; 200g; 500g, 1000g; 2000g; 3200g. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
113	Hệ thống quang phổ hấp thu nguyên tử AA 7000 shimadzu gồm: Lửa, lò, hydrid (HVG) và hóa hơi lạnh (MVU)	TB16/MP-TP	Hiệu chuẩn: - Độ lặp lại, giới hạn phát hiện, độ ổn định, độ chính xác bước sóng ngọn lửa, lò graphide, bộ hóa hơi HVG, MVU. - F - AAS (Lửa trực tiếp): thực hiện thêm độ ổn định ngọn lửa. - GF - AAS (lò, kèm bộ ASC): thực hiện thêm độ trôi, độ nhiễu. - MVU: Thực hiện thêm tốc độ quay của máy khuấy, lưu lượng khí mang. - HVG: Thực hiện thêm lưu lượng bơm nhu động. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP (CS2)
114	Máy chưng cất đậm tụ động UDK 159	TB 12/MP-TP	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra độ chụm, độ đúng của Buret ở mức dung tích thường dùng bằng cân phân tích thích hợp. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. KN MP-TP (CS2)
115	Nhiệt ẩm kế	NAK/01/HC	Hiệu chuẩn tại các điểm như sau: - Nhiệt độ: 20 ⁰ C, 25 ⁰ C, 30 ⁰ C, 35 ⁰ C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%	11/2025	Thuê ngoài	P. HC-KHTH (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
116	Hệ thống phòng sạch thí nghiệm Vi sinh	-	Hiệu chuẩn: - Đo dải kích thước bụi - Đo nhiệt độ, độ ẩm - Đo trao đổi không khí - Đo vi sinh vật trong không khí - Cường độ ánh sáng - Độ ồn - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	11/2025	Thuê ngoài	Có Phụ lục kèm theo
117	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA HVE-50	TB.04/VS	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C ,121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C ,121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
118	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA HVE-85	TB.05/VS	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C ,121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C ,121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C ,121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
119	Cân kỹ thuật EXCELL BH-300	TB.06/VS	Hiệu chuẩn: - Ở các mức cân: 5g;10g;20g - Tải trọng lệch tâm - Độ lặp lại - Độ Tuyến tính - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
120	Máy đếm khuẩn lạc tự động Interscience Scan® 300	TB.09/VS	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Độ lặp lại - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
121	Máy đo pH METTLER TOLEDO FP20	TB.11/VS	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra hiệu suất điện cực - Độ ổn định - Độ đúng nhiệt độ - Độ đúng thang đo pH (Giá trị pH: 4,01; 7,00; 9,25 10,01) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
122	Máy đo vòng vô khuẩn IUL	TB.12/VS	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
123	Tủ ẩm SHELLAB GI2-2	TB.16/VS	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30°C; 35°C; 37°C; 41,5°C, 44°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
124	Tủ Ẩm MEMMERT INB 400	TB.17/VS	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30°C; 35°C; 37°C; 41,5° C, 44°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
125	Tủ Ẩm lạnh VELP FOC 120E	TB.18/VS	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 20°C; 22,5°C; 25°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
126	Tủ cấy vô trùng ESCO AVC-4A1	TB.19/VS	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
127	Tủ cấy vô trùng PHSC12	TB.20/VS	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
128	Tủ An Toàn Sinh Học Cấp II ESCO AC2-4E8– ĐLKS	TB.21/VS	Hiệu chuẩn: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
129	Tủ An Toàn Sinh Học Cấp II ESCO AC2-4E8 – ĐNK	TB.22/VS	Hiệu chuẩn: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
130	Tủ sấy BINDER ED-115	TB.23/VS	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 105°C; 180°C - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 105°C; 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
131	Cân kỹ thuật OHAUS PR4202/E	TB.25/VS	Hiệu chuẩn: - Ở các mức cân: 5g;10g;20g;50g - Tải trọng lệch tâm - Độ lặp lại - Độ Tuyến tính - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
132	Tủ ủ kỵ khí WCI-260	TB.29/VS	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 30° C; 35°C; 37°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
133	Máy đo nhiệt độ 12 kênh LUTRON BTM-4208SD	TB.31/VS	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 20°C; 25°C; 30°C; 35°C; 37°C; 41,5°C, 44°C - Độ đồng đều - Độ chính xác - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
134	Nhiệt kế tự ghi Smart tech TH8	TB.32/VS	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra đồng hồ sai số của nhiệt độ; độ ẩm - Độ chính xác - Số hiệu chính nhiệt độ, độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
135	Nhiệt Ẩm kế Anymetre	NAK.02/VS	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra đồng hồ sai số của nhiệt độ; độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ, độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
136	Nhiệt kế -20°C đến 50°C	NK.08/VS	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 15°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 41,5°C, 44°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
137	Nhiệt kế âm sâu -50°C đến +50°C	NK.09/VS	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 20°C, -15°C, -10°C, -5°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
Tổng cộng: 137 thiết bị						

➤ **Ghi chú:**

- P. DL – VS: Phòng Dược Lý – Vi Sinh
- P. HL – ĐD – DL: Phòng Hóa Lý – Đông Dược – Dược liệu
- P. KN MP – TP: Phòng Kiểm Nghiệm Mỹ Phẩm – Thực Phẩm
- P. HC – KHTH: Phòng Hành chính – Kế hoạch tổng hợp.